TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2024/DS-PT
Ngày: 30/01/2024;
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Toàn Giang

Các Thẩm Phán: Ông Lê Trí Cường

Ông Đỗ Minh Hoàng

- Thư ký phiên toà: Ông Ninh Việt Hoàng – Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện VKSND Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Hà Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30/01/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 544/2023/TLPT-DS ngày 20/11/2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2023/DS-ST ngày 24/05/2023 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 661/2023/QĐXXPT-DS ngày 21/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K*(sau đây gọi tắt là Ngân hàng K*);

Địa chỉ: Số 06 phố Q, phường T1, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng K. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị N - Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ (Quyết định ủy quyền số 1218/2017/QĐ-HĐQT ngày 27-9-2017). Người đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng: Bà Vương Ngọc N1, ông Nguyễn Ngọc A1, ông Hoàng Đức H1, bà Nguyễn Thị H2, ông Hoàng Trung H3, - Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ của Ngân hàng K (Giấy ủy quyền ngày 18/12/2023 và ngày 30/12/2023) - Có mặt ông H3, bà N1.

2. Bị đơn:

2.1. Anh Chu Đức N2, sinh năm 1986.

2.2. Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1986 *(vợ anh N2).*

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn V, xã P, huyện T2, Thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Chu Văn L, sinh năm 1961 (*bố đẻ anh N2).*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Chu Văn L là Luật sư Nguyễn Xuân T2– Văn phòng luật sư X Đoàn luật sư Thành phố H4).

3.2. Bà Dương Thị H5, sinh năm 1963 (*mẹ đẻ anh N2).*

3.3. Anh Chu Đức T3, sinh năm 1998 (*con ông L, bà H5).*

3.4. Chị Chu Thị Huyền T4, sinh năm 1999 (*con ông L, bà H5).*

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn V, xã P, huyện T2, Thành phố Hà Nội.

(Có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người kháng cáo ông Chu Văn L, Luật sư Nguyễn Xuân T2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và tại cấp sơ thẩm:

Nguyên đơn là Ngân hàng K Việt Nam – Do người đại diện theo ủy quyền là bà Vương Ngọc N1 trình bày:

1.1. Thỏa thuận tín dụng: Ngân hàng K và anh Chu Đức N2, chị Nguyễn Thị S cùng ký kết Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 2375/HĐTD/TH-TN/TCB HTY ngày 17-12-2010; Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 2375 ngày 20-12-2010, Phụ L Lịch trả nợ ngày 20-12-2010, nội dung thỏa thuận tín dụng cụ thể như sau:

- Số tiền anh N2, chị S vay của Ngân hàng là: **1.500.000.000 đồng**.
- Mục đích vay: Vay tiêu dùng.
- Thời hạn vay: 72 tháng. Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 20-12-2016.
- Lãi suất: Lãi suất vay linh hoạt, điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất áp dụng kể từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày 31-3-2011 là 19%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- Kỳ hạn trả nợ: Trả nợ gốc theo 72 kỳ (01 tháng/kỳ). Trả gốc, lãi vào ngày 20 hàng tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay là anh N2, chị S đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là: **566.353.102** đồng. Trong đó trả nợ gốc là **249.996.000** đồng, trả nợ lãi là **316.357.102** đồng.

Do anh N2, chị S vi phạm thỏa thuận tín dụng, không trả nợ gốc và lãi đúng hạn theo cam kết nên Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu anh N2, chị S phải thực hiện nghĩa vụ tín dụng trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày **23-5-2023** với tổng số tiền: **4.650.569.091** đồng; Trong đó: Nợ tiền gốc **1.250.004.000** đồng, nợ lãi trong hạn trên nợ gốc: **540.181.457** đồng, nợ lãi quá hạn trên nợ gốc: **2.860.383.634** đồng. Ngoài ra, theo đơn khởi kiện Ngân hàng còn yêu cầu anh N2, chị S trả tiền lãi phạt và tiền phạt vi phạm hợp đồng (tỷ lệ 1% giá trị hợp đồng) số tiền là **15.000.000** đồng.

1.2. Về thỏa thuận đảm bảo tín dụng: Thỏa thuận bảo đảm tín dụng được quy định tại hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba ký kết ngày 17-12-2010 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng K với bên thế

chấp là ông Chu Văn L, bà Dương Lệ H5 (Dương Thị H5), tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 04, diện tích 345m2, địa chỉ tại cụm 6, xã Phùng Xá, huyện T, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 409834 do UBND huyện Tcấp ngày 04/7/2002 cho hộ ông Chu Văn L. Đính chính sang tên ông Chu Văn L ngày 17-12-2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T, thành phố Hà Nội. Phạm vi nghĩa vụ bảo đảm bằng tài sản thế chấp trên là nghĩa vụ trả nợ số tiền **1.500.000.000** đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tín dụng trên số tiền đảm bảo cho nợ gốc **1.500.000.000** đồng.

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng K trong trường hợp anh N2, chị S không trả nợ hoặc trả không đầy đủ nghĩa vụ tín dụng thì Ngân hàng đề nghị được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp đã ký kết.

2. Bị đơn là anh Chu Đức N2 và chị Nguyễn Thị S trình bày: Anh N2, chị S xác nhận cùng ký kết các thỏa thuận tín dụng với Ngân hàng K gồm: Hợp đồng tín dụng: 2375/HĐTD/TH-TN/TCB HTY ngày 17-12-2010; Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 2375 ngày 20-12-2010, Phụ L Lịch trả nợ ngày 20-12-2010. Toàn bộ nội dung thỏa thuận tín dụng như đại diện của Ngân hàng K trình bày là đúng, mục đích vay của vợ chồng anh là vay tiêu dùng nhưng do việc làm ăn gặp khó khăn nên không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng đúng theo cam kết. Anh N2, chị S xác nhận về số tiền đã thanh toán trả Ngân hàng và số tiền nợ gốc, nợ lãi như đại diện Ngân hàng yêu cầu. Đồng thời anh N2 xác nhận việc ký kết thỏa thuận thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 17-12-2010 như đại diện Ngân hàng K trình bày là đúng. Anh N2, chị S xác định hiện tại gia đình khó khăn trong việc thanh toán nợ cho Ngân hàng nên đề nghị được trả số tiền gốc và 150 triệu đồng tiền lãi để tất toán khoản vay.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn L, bà Dương Thị H5 trình bày: Ông L, bà H5 xác nhận ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 04, mục đích đất ở, thời hạn sử dụng: lâu dài, địa chỉ tại cụm 6, xã Phùng Xá, huyện T, thành phố Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay của anh N2, chị S tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam. Ông L, bà H5 đề nghị Ngân hàng xem xét miễn, giảm tiền lãi, tạo điều kiện cho anh N2, chị S trả nợ để giải chấp tài sản cho ông L, bà H5.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Chu Đức T3, chị Chu Thị Huyền T4 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2023/DS-ST ngày 24-05-2023 của Tòa án nhân dân huyện Tđã Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam: Buộc anh Chu Đức N2 và chị Nguyễn Thị S phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ksố tiền còn nợ tính đến ngày 23-5-2023 theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 2375/HĐTD/TH-TN/TCB HTY ngày 17-12-2010; Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 2375 ngày 20-12-2010, Phụ L Lịch trả nợ ngày 20-12-2010 với tổng số tiền là: 4.650.569.091 đồng; Trong đó: Nợ tiền gốc 1.250.004.000 đồng, nợ lãi trong hạn trên nợ gốc: 540.181.457 đồng, nợ lãi quá hạn trên nợ gốc: 2.860.383.634 đồng.

2. Kể từ ngày 24-5-2023 cho đến khi thi hành án xong, anh Chu Đức N2 và chị Nguyễn Thị S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về lãi phạt và tiền phạt vi phạm hợp đồng do đại diện nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Kđã rút tại phiên tòa.

4. Trường hợp anh Chu Đức N2, chị Nguyễn Thị S không trả nợ hoặc trả không đầy đủ nghĩa vụ tín dụng thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Kcó quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý đối với tài sản đảm bảo theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba ký kết ngày 17-12-2010 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần Kvà bên thế chấp là ông Chu Văn L, bà Dương Lệ H5 (Dương Thị H5). Hợp đồng thế chấp được công chứng ngày 17-12-2010 do Công chứng viên thực hiện tại trụ sở Văn phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội; Đăng ký thế chấp ngày 20-12-2010 tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất huyện T; Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 04, diện tích 345m2 mục đích đất ở, địa chỉ tại cụm 6, xã Phùng Xá, huyện T, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T409834 do UBND huyện Tcấp ngày 04-7-2002 cho hộ ông Chu Văn L; Đính chính tên chủ sử dụng từ hộ ông Chu Văn L sang ông Chu Văn L tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tngày 17-12-2010.

5. Khi xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ thì những người đang chiếm giữ, sử dụng tài sản thế chấp trên phải có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp theo yêu cầu của cơ quan thi hành án có thẩm quyền để xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

6. Phạm vi nghĩa vụ bảo đảm bằng tài sản thế chấp theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản ký kết ngày 17-12-2010 là nghĩa vụ trả nợ số tiền 1.500.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tín dụng trên số tiền đảm bảo cho nợ gốc 1.500.000.000 đồng.

7. Trường hợp xử lý phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ mà không đủ trả nợ thì anh Chu Đức N2, chị Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Kcho đến khi trả xong nợ.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với Quyết định của bản án sơ thẩm, ông Chu Văn L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn L giữ nguyên kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Chu Văn L đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện của nguyên đơn là Ngân hàng K đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Không chấp nhận đơn kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Chu Văn L. Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2023/DS-ST ngày 24/5/2023 của TAND huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Chu Văn L trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí nên kháng cáo được coi là hợp lệ về hình thức.

[2] Về nội dung : Xét kháng cáo của ông Chu Văn L

[2.1] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai các bên đương sự, xác định:

Về quan hệ tín dụng: Người đại diện của Ngân hàng K và bên vay là anh Chu Đức N2, chị Nguyễn Thị S thống nhất xác nhận toàn bộ thỏa thuận tín dụng theo Hợp đồng tín dụng: 2375/HĐTD/TH-TN/TCB HTY ngày 17-12-2010; Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 2375 ngày 20-12-2010, Phụ L lịch trả nợ ngày 20-12-2010.

Xét Hợp đồng tín dụng nêu trên được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các quy định của Ngân hàng Nhà nước nên có hiệu lực

pháp luật thi hành, các bên tham gia giao kết phải tuân thủ thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng thỏa thuận đã ký kết.

Thực hiện thỏa thuận tín dụng, bên vay là anh N2, chị S đã được Ngân hàng giải ngân cho vay tổng số tiền 1.500.000.000 đồng; anh N2, chị S đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là: 566.353.102 đồng. Trong đó trả nợ gốc là 249.996.000 đồng, trả nợ lãi là 316.357.102 đồng; Anh N2, chị S còn nợ tổng số tiền đến ngày 23/5/2023 là 4.650.569.091 đồng; Trong đó: Nợ tiền gốc 1.250.004.000 đồng, nợ lãi trong hạn trên nợ gốc: 540.181.457 đồng, nợ lãi quá hạn trên nợ gốc: 2.860.383.634 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng do vợ chồng anh N2, chị S vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vì vậy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận. Cụ thể anh N2, chị S trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 23/5/2023 là 4.650.569.091 đồng; Trong đó: Nợ tiền gốc 1.250.004.000 đồng, nợ lãi trong hạn trên nợ gốc: 540.181.457 đồng, nợ lãi quá hạn trên nợ gốc: 2.860.383.634 đồng *(Tiền lãi được tính theo các Quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng K)*. Kể từ ngày 24/5/2023 cho đến khi thi hành án xong, anh N2, chị S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng. Bị đơn không kháng cáo nội dung này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn rút phần khởi kiện về lãi phạt và tiền phạt vi phạm hợp đồng. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu giải quyết về nội dung này nên cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu Nguyên đơn đã rút là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kháng cáo của ông Chu Văn L là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu về việc xử lý tài sản bảo đảm tín dụng:

Xét, Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 8599 quyển 05.2010 ký kết ngày 17/12/2010 tại trụ sở Văn phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội, giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng K và bên thế chấp là ông Chu Văn L, bà Dương Lệ H5 (Dương Thị H5) có nội dung và hình thức tuân thủ đúng quy định tại Điều 343 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 130 Luật Đất đai năm 2003; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22-02-2012 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực pháp luật để thi hành;

Tại Hợp đồng thế chấp tài sản ký kết ngày 17/12/2010 các bên thỏa thuận: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 04, diện tích 345m2, mục đích đất ở, địa chỉ tại cụm 6,

xã Phùng Xá, huyện T, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T409834 do UBND huyện Tcấp ngày 04/7/2002; Đính chính tên chủ sử dụng ngày 17/12/2010 sang tên ông Chu Văn L. Đăng ký thế chấp ngày 20/12/2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T, thành phố Hà Nội.

Ông Chu Văn L kháng cáo cho rằng mảnh đất nêu trên là tài sản đứng tên hộ gia đình Chu Văn L nên việc ông tự mình thế chấp mảnh đất trên là không đúng. Theo ông L, ông chỉ thế chấp mảnh đất trên cho số tiền vay gốc là 1,5 tỉ đồng, chứ không thế chấp cho các khoản lãi phát sinh.

Nhưng tại Khoản 2.3 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp tài sản ký kết ngày 17/12/2010 đã ghi rõ: Nghĩa vụ của bên được bảo đảm được bảo đảm bằng TS thế chấp là nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, chi phí, phạt, BTTH và các nghĩa vụ khác theo quy định tại HĐ cho vay. Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T409834 do UBND huyện Tcấp ngày 04/7/2002, phần đính chính tên chủ sử dụng ngày 17/12/2010 thể hiện : *Hộ ông Chu Văn L, trong giấy chứng nhận nay đính chính là ông: Chu Văn L, theo đơn đính chính đã được UBND xã, phường xác nhận vào ngày 12/12/2010*. Việc đính chính này được thực hiện trước thời điểm ký HĐ thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên.

Kháng cáo của ông Chu Văn L là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, đủ cơ sở xác định: Phạm vi bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản ký kết ngày 17/12/2010 bằng một tài sản thế chấp là nghĩa vụ trả nợ số tiền 1.500.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tín dụng trên số tiền đảm bảo cho nợ gốc 1.500.000.000 đồng. Trường hợp bên vay là anh N2, chị S không trả nợ hoặc trả không đầy đủ nghĩa vụ tín dụng thì Ngân hàng K có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 17/12/2010 là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 04, mục đích đất ở, thời hạn sử dụng: lâu dài, địa chỉ tại cụm 6, xã Phùng Xá, huyện T, thành phố Hà Nội.

Trường hợp xử lý phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ mà không đủ trả nợ thì anh Chu Đức N2, chị Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng K cho đến khi trả xong nợ.

[2.3]. Quan điểm của Đại diện VKSND Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là anh N2, chị S phải chịu 112.650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng K số tiền 56.842.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Đối với ông Chu Văn L, sinh năm 1961 là Người Cao tuổi nên căn cứ Điều 2 Luật Người Cao tuổi; Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại ông L tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 342, 343, 355, 357, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 113, 130 Luật Đất đai năm 2003.

Căn cứ các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 hướng dẫn thi hành luật đất đai năm 2003; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22-02-2012 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 2 Luật Người Cao tuổi; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Chu Văn L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2023/DS-ST ngày 24-05-2023 của Tòa án nhân dân huyện Tvà Quyết định như sau:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam: Buộc anh Chu Đức N2 và chị Nguyễn Thị S phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Kso tiền còn nợ tính đến ngày 23-5-2023 theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 2375/HĐTD/TH-TN/TCB HTY ngày 17-12-2010; Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 2375 ngày 20-12-2010, Phụ L Lịch trả nợ ngày 20-12-2010 với tổng số tiền là: 4.650.569.091 đồng; Trong đó: Nợ tiền gốc 1.250.004.000 đồng, nợ lãi trong hạn trên nợ gốc: 540.181.457 đồng, nợ lãi quá hạn trên nợ gốc: 2.860.383.634 đồng.

[2]. Kể từ ngày 24-5-2023 cho đến khi thi hành án xong, anh Chu Đức N2 và chị Nguyễn Thị S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam.

[3]. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về lãi phạt và tiền phạt vi phạm hợp đồng do đại diện nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Kđã rút tại phiên tòa.

[4]. Trường hợp anh Chu Đức N2, chị Nguyễn Thị S không trả nợ hoặc trả không đầy đủ nghĩa vụ tín dụng thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Kcó quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý đối với tài sản đảm bảo theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba ký kết ngày 17-12-2010 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần Kvà bên thế chấp là ông Chu Văn L, bà Dương Lệ H5 (Dương Thị H5). Hợp đồng thế chấp được công chứng ngày 17-12-2010 do Công chứng viên thực hiện tại trụ sở Văn phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội; Đăng ký thế chấp ngày 20-12-2010 tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất huyện T; Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 04, diện tích 345m2 mục đích đất ở, địa chỉ tại cụm 6, xã Phùng Xá, huyện T, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T409834 do UBND huyện Tcấp ngày 04-7-2002 cho hộ ông Chu Văn L; Đính chính tên chủ sử dụng từ hộ ông Chu Văn L sang ông Chu Văn L tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tngày 17-12-2010.

[5]. Khi xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ thì những người đang chiếm giữ, sử dụng tài sản thế chấp trên phải có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp theo yêu cầu của cơ quan thi hành án có thẩm quyền để xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[6]. Phạm vi nghĩa vụ bảo đảm bằng tài sản thế chấp theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản ký kết ngày 17-12-2010 là nghĩa vụ trả nợ số tiền 1.500.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tín dụng trên số tiền đảm bảo cho nợ gốc 1.500.000.000 đồng.

[7]. Trường hợp xử lý phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ mà không đủ trả nợ thì anh Chu Đức N2, chị Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Kcho đến khi trả xong nợ.

[8]. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Chu Đức N2, chị Nguyễn Thị S phải chịu 112.650.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Ksố tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.842.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0025612 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án huyện Thạch Thất, Hà Nội.

Hoàn trả ông Chu Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0032083 ngày 07/8/2023 của Chi cục Thi hành án huyện Thạch Thất, Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm xét xử công khai và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Toàn Giang